

Vietnamese

Business & Law

月刊 ベトナム法令・ビジネス情報

BẢN TIN

Ngày 29 tháng 06 năm 2011

Nội dung	Trang
I. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)	
1. Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với tiền công, tiền lương của Giám đốc doanh nghiệp TNHH một thành viên	1
II. THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (“TNCN”)	
1. Thông tư của Bộ Tài chính bổ sung đối tượng miễn thuế TNCN	1
2. Tỷ giá quy đổi khi xác định thu nhập chịu thuế TNCN	1
3. Thuế TNCN đối với trường hợp chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu	1
III. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (“GTGT”)	
1. Hoàn thuế GTGT đối với doanh nghiệp mới thành lập, chưa đi vào hoạt động	2
2. Thuế GTGT của vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu được tiêu thụ nội địa	2
3. Kê khai thuế GTGT đối với Chi nhánh	2
IV. THUẾ NHÀ THẦU	
1. Chính sách thuế nhà thầu đối với hoạt động kinh doanh hàng hóa tại kho ngoại quan	2
2. Thuế nhà thầu đối với thỏa thuận biệt phái nhân viên	3
V. HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ	
1. Chế tài đối với hành vi tự ý tháo bỏ mẫu hóa đơn niêm yết tại cơ sở sử dụng hóa đơn	3
2. Việc tiếp tục sử dụng hóa đơn đặt in sau khi thay đổi tên doanh nghiệp	3
3. Hóa đơn sử dụng trong trường hợp xuất khẩu tại chỗ	3
VI. LĨNH VỰC KHÁC	
1. Cơ quan cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại các khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn Hà Nội	4
2. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán	4

I-GLOCAL CO., LTD. SCS GLOBAL AUDIT COMPANY LIMITED “SCSA”

“SCSA” is a group audit firm of I-GLOCAL

Hanoi – Room 1503, 15th Floor, VIT Tower, 519 Kim Ma St., Ba Dinh Dist., Hanoi, Vietnam Tel: +84 4 2220 0334
HCMC – Room 903, 9th Floor, SunWah Tower, 115 Nguyen Hue St., Dist.1., HCMC, Vietnam Tel: +84 8 3827 8096

Key Contacts

(Japanese) **Yusuke Kaburagi**(蕪木): yusuke.kaburagi@i-glocal.com
Yoshinao Nagai (永井): yoshinao.nagai@i-glocal.com

(HCM Office) **Nguyen Dinh Phuc**: nguyen.dinh.phuc@i-glocal.com
Vu Tan Huu: vu.tan.huu@i-glocal.com

(Hanoi Office) **Nguyen Quynh Nam**: nguyen.quynh.nam@scsglobal.vn
Ta Huong Ly: ta.huong.ly@i-glocal.com

Takayuki Jitsuhara (實原): takayuki.jitsuhara@i-glocal.com

Tran Nguyen Trung: tran.nguyen.trung@i-glocal.com
Vu Lam: vu.lam@scsglobal.vn

Nguyen Cam Chi: nguyen.cam.chi@scsglobal.vn
Tran Phu Son: tran.phu.son@i-glocal.com



I-GLOCAL
incubate the next



I. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1. Công văn 1744/TCT-CS ngày 23 tháng 05 năm 2011 hướng dẫn về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với tiền công, tiền lương của Giám đốc doanh nghiệp TNHH một thành viên

Theo hướng dẫn tại Công văn này, đối với Công ty TNHH một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, tiền lương thực tế đã chi trả cho Giám đốc theo quy định của Pháp luật được tính là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

II. THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (“TNCN”)

1. Thông tư 78/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 08 tháng 06 năm 2011 hướng dẫn bổ sung về đối tượng miễn thuế TNCN

Thông tư số 78/2011/TT-BTC đã hướng dẫn bổ sung về đối tượng miễn thuế TNCN. Theo đó, các khoản hỗ trợ khám chữa bệnh hiểm nghèo cho người lao động và thân nhân người lao động (bao gồm: bố đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi hợp pháp) từ nguồn thu nhập sau thuế thu nhập doanh nghiệp, từ quỹ phúc lợi, khen thưởng của doanh nghiệp không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của người lao động.

Mức hỗ trợ tối đa không quá số tiền trả viện phí của người lao động và thân nhân người lao động sau khi đã trừ số tiền chi trả của cơ quan bảo hiểm y tế. Trong trường hợp này, doanh nghiệp cần phải lưu giữ bản sao chứng từ liên quan có xác nhận của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp trong trường hợp này bao gồm cả doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Pháp luật Việt Nam và doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Pháp luật nước ngoài.

Thông tư số 78/2011/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 07 năm 2011.

2. Công văn số 4339/CT-TTHT ngày 24 tháng 05 năm 2011 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về tỷ giá quy đổi khi xác định thu nhập chịu thuế TNCN

Công văn số 4339/CT-TTHT hướng dẫn chi tiết tỷ giá được sử dụng để quy đổi khi xác định thu nhập chịu thuế TNCN theo tinh thần đã hướng dẫn tại Thông tư 84/2008/TT-BTC. Theo đó, thu nhập chịu thuế TNCN được tính bằng Đồng Việt Nam. Trường hợp thu nhập chịu thuế nhận được bằng ngoại tệ phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân trên thị trường liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh thu nhập. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ công bố tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng giữa Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ, thì Công ty căn cứ bằng thông báo tỷ giá tính chéo giữa Đồng Việt Nam với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố (đã được quy đổi chéo thông qua tỷ giá bình quân liên ngân hàng giữa Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ) tại thời điểm phát sinh thu nhập để xác định thu nhập chịu thuế TNCN.

3. Công văn số 1724/TCT-TNCN của Tổng cục Thuế ngày 20 tháng 05 năm 2011 hướng dẫn về thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu

Tại Công văn số 1724/TCT-TNCN, Tổng cục Thuế nêu rõ, trong lĩnh vực thuế, việc đánh thuế căn cứ trên bản chất của hoạt động. Về bản chất cá nhân chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu để hưởng thu nhập cũng tương tự như cá nhân chuyển nhượng cổ phiếu để hưởng chênh lệch mà không phải bỏ vốn để mua cổ phiếu. Theo đó, theo hướng dẫn tại Công văn này, hoạt động chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu là chuyển nhượng chứng khoán, do đó phải chịu thuế TNCN theo quy định về chuyển nhượng chứng khoán. Thuế suất đối với hoạt động này là 0,1% trên giá bán hoặc 20% chênh lệch giữa giá bán trừ giá mua.



III. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (“GTGT”)

1. Công văn số 1652/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 16 tháng 05 năm 2011 hướng dẫn về hoàn thuế GTGT đối với doanh nghiệp mới thành lập, chưa đi vào hoạt động

Theo Công văn số 1652/TCT-CS, doanh nghiệp mới thành lập, chưa đi vào hoạt động được hoàn thuế GTGT nếu đáp ứng các điều kiện sau:

- Đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- Thời gian đầu tư từ 1 năm trở lên hoặc có số thuế GTGT lũy kế của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư từ 200 triệu đồng trở lên. Thuế GTGT trong trường hợp này bao gồm cả thuế giá trị gia tăng đầu vào liên quan tới chi phí tiền thuê đất.

2. Công văn số 2242/TCHQ-TXNK của Tổng cục Hải quan ngày 17 tháng 05 năm 2011 về thuế GTGT của vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu được tiêu thụ nội địa

Theo công văn số 2242/TCHQ-TXNK, trường hợp hàng hóa là vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, hàng hóa kinh doanh theo phương thức tạm nhập-tái xuất được tiêu thụ nội địa (thay đổi mục đích sử dụng nhập khẩu) thì phải kê khai, nộp thuế GTGT theo mẫu 01, phụ lục VI ban hành kèm Thông tư 194/2010/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 12 năm 2010.

3. Công văn số 1958/TCT-KK của Tổng cục Thuế ngày 09 tháng 06 năm 2011 hướng dẫn về chính sách thuế GTGT đối với Chi nhánh

Theo hướng dẫn tại Công văn số 1958/TCT-KK, trường hợp Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đã được cơ quan chủ quản cấp giấy phép kinh doanh, Chi nhánh nộp hồ sơ khai thuế GTGT cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của Chi nhánh, nếu Chi nhánh không trực tiếp bán hàng, không phát sinh doanh thu thì thực hiện khai thuế tập trung tại trụ sở chính của Công ty.

IV. THUẾ NHÀ THẦU

1. Công văn số 1749/TCT-CS ngày 23 tháng 05 năm 2011 về chính sách thuế nhà thầu đối với hoạt động kinh doanh hàng hóa tại kho ngoại quan

Đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài (“doanh nghiệp nước ngoài”) thuê kho ngoại quan để lưu trữ hàng hóa và bán cho đối tác tại Việt Nam, Tổng cục Thuế hướng dẫn như sau:

Nếu doanh nghiệp nước ngoài chỉ thuê kho ngoại quan để lưu kho hàng hóa mua từ nhà cung cấp nước ngoài sau đó bán trực tiếp cho các đối tác tại Việt Nam thì không tạo thành cơ sở thường trú tại Việt Nam.

Nếu việc cung cấp hàng hóa từ kho ngoại quan cho các đối tác Việt Nam được thực hiện thông qua đại diện như văn phòng giao dịch, nhân viên hay một tổ chức khác của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam hoặc việc cung cấp hàng hóa này có liên quan tới các hợp đồng cung cấp dịch vụ khác mà doanh nghiệp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam thì sẽ tạo thành cơ sở thường trú tại Việt Nam.

Theo đó, chính sách thuế đối với hoạt động kinh doanh hàng hóa thông qua kho ngoại quan tại Việt Nam của doanh nghiệp nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 134/2008/TT-BTC và Thông tư số 197/2009/TT-BTC.

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh hàng hóa thông qua kho ngoại quan ở Việt Nam của doanh nghiệp nước ngoài phải tuân thủ các quy định liên quan đến việc xuất nhập khẩu hàng hóa, các chính sách liên quan đến các mặt hàng được xuất nhập khẩu qua kho ngoại quan theo đúng các quy định của pháp luật Việt Nam.



2. Công văn 1729/TCT-CS ngày 20 tháng 05 năm 2011 về thuế nhà thầu đối với thỏa thuận biệt phái nhân viên

Theo hướng dẫn tại Công văn, trường hợp Công ty có ký hợp đồng “Thỏa thuận biệt phái nhân viên” với các chủ đầu tư (tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam) và không trực tiếp chi trả lương cho các chuyên gia thì khoản chi trả của Công ty cho chủ đầu tư về việc sử dụng chuyên gia sang làm việc tại Việt Nam và các khoản chi phí sinh hoạt khác phát sinh tại Việt Nam (“bồi hoàn phí”) là đối tượng chịu thuế nhà thầu. Ngoài ra, các chuyên gia nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo Thỏa thuận này cũng phải nộp thuế TNCN theo quy định của Luật thuế TNCN và các văn bản hướng dẫn thi hành.

V. HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

1. Công văn 1625/TCT-CS ngày 13 tháng 05 năm 2011 về chế tài đối với hành vi tự ý tháo bỏ mẫu hóa đơn niêm yết tại cơ sở sử dụng hóa đơn

Theo quy định tại Thông tư số 153/2010/TT-BTC, thông báo phát hành hóa đơn gồm cả hóa đơn mẫu phải được niêm yết rõ ràng ngay tại các cơ sở sử dụng hóa đơn để bán hàng hóa, dịch vụ trong suốt thời gian sử dụng hóa đơn. Do vậy, trong trường hợp, doanh nghiệp có hành vi tự ý tháo bỏ mẫu hóa đơn niêm yết tại cơ sở sử dụng hóa đơn, bị cơ quan thuế sẽ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 32 Nghị định số 51/2010/ND-CP: phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

2. Công văn số 1817/TCT-CS ngày 26 tháng 05 năm 2011 của Tổng cục Thuế về việc tiếp tục sử dụng hóa đơn đặt in sau khi thay đổi tên doanh nghiệp nhưng không thay đổi mã số thuế

Theo hướng dẫn tại Công văn, đối với trường hợp doanh nghiệp đã đặt in hóa đơn hoặc đã mua hóa đơn tại Cơ quan thuế, khi thay đổi tên nhưng không thay đổi mã số thuế doanh nghiệp vẫn có nhu cầu sử dụng hóa đơn chưa sử dụng thì thực hiện đóng dấu mới vào bên cạnh tiêu thức tên đã in sẵn để tiếp tục sử dụng. Các hóa đơn chưa sử dụng hết sau ngày 31 tháng 03 năm 2011 thì doanh nghiệp thực hiện hủy hóa đơn theo hướng dẫn tại Điều 27 Thông tư số 153/2010/TT-BTC.

3. Công văn số 6282/BTC-TCT của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 05 năm 2011 hướng dẫn về hóa đơn sử dụng trong trường hợp xuất khẩu tại chỗ

Theo hướng dẫn tại Công văn 6282/BTC-TCT về hóa đơn sử dụng đối với loại hình xuất khẩu tại chỗ thì:

- Thời điểm trước ngày 01 tháng 01 năm 2011: doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu tại chỗ khi thực hiện thủ tục hải quan phải sử dụng hóa đơn GTGT.
- Thời điểm sau ngày 01 tháng 01 năm 2011: doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu tại chỗ có thể sử dụng hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn xuất khẩu khi thực hiện thủ tục hải quan.



VI. LĨNH VỰC KHÁC

1. Quyết định số 17/2011/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 19 tháng 05 năm 2011 hướng dẫn về Cơ quan cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại các khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn Hà Nội

Theo Quyết định số 17/2011/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 05 năm 2011 về quy chế phối hợp trong quản lý văn phòng đại diện, kể từ ngày 29 tháng 05 năm 2011, Ban quản lý các khu công nghiệp và khu chế xuất trong phạm vi Thành phố Hà Nội có trách nhiệm cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài thành lập trong các khu công nghiệp, khu chế xuất tại Thành phố Hà Nội. Theo quy định hiện nay, trách nhiệm này thuộc Sở Công Thương Thành phố Hà Nội.

2. Nghị định 39/2011/ND-CP ngày 26 tháng 05 năm 2011: Sửa đổi, bổ sung Nghị định 185/2004/ND-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán

Tại Nghị định số 39/2011/ND-CP, một số điểm thay đổi về mức phạt được quy định cụ thể như sau:

Mức phạt đối với các hành vi vi phạm về chứng từ kế toán

- Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
 - Lập chứng từ kế toán không đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định pháp luật
 - Tẩy xóa, sửa chữa chứng từ kế toán
- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
 - Lập chứng từ kế toán không đủ số liên theo quy định
 - Ký chứng từ kế toán mà không có thẩm quyền ký hoặc không được ủy quyền ký

- Lập hóa đơn bán hàng nhưng không giao cho khách hàng
- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với các hành vi sau:
 - Giả mạo chứng từ kế toán
 - Lập chứng từ kế toán có nội dung các liên không giống nhau
 - Không lập chứng từ kế toán khi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh
 - Cố ý lập nhiều chứng từ cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh
 - Hủy bỏ hoặc cố ý làm hư hỏng chứng từ kế toán

Mức phạt đối với các hành vi vi phạm về báo cáo tài chính

- Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
 - Nộp báo cáo tài chính cho cơ quan có thẩm quyền chậm quá 3 tháng so với thời hạn quy định
 - Lập báo cáo tài chính không đúng số liệu trên sổ kế toán và chứng từ kế toán
 - Giả mạo báo cáo tài chính
 - Nộp báo cáo tài chính không đính kèm báo cáo kiểm toán đối với các trường hợp pháp luật quy định phải kiểm toán

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 08 năm 2011.

**Các Từ Viết Tắt:**

TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp	KCN	Khu công nghiệp
TNCN	Thuế thu nhập cá nhân	CTLD	Công ty liên doanh
GTGT	Thuế giá trị gia tăng	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
FCT	Thuế nhà thầu	BTC	Bộ Tài Chính
TSCĐ	Tài sản cố định	BCT	Bộ Công Thương
TCHQ	Tổng cục Hải Quan	BLĐT BXH	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
TCT	Tổng Cục Thuế	BKHĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
DNCX	Doanh nghiệp chế xuất	CV	Công văn
KCX	Khu chế xuất	NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam